

BÁO CÁO RÀ SOÁT
Xây dựng trường chất lượng cao giai đoạn 2021- 2026

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT- BGDDT ngày 22 tháng 8 năm 2018 Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội quy định các khoản thu, sử dụng các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ - UBND ngày 24/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định cụ thể tiêu chí về sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao;

Trường THCS Chu Văn An báo cáo rà soát xây dựng trường chất lượng cao giai đoạn 2021- 2026 cụ thể như sau:

A. THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Quy mô trường lớp, học sinh

KHỐI LỚP	KHỐI 6	KHỐI 7	KHỐI 8	KHỐI 9	TỔNG
Số lớp	8	8	8	6	30
Số HS	317	290	301	238	1146
Số HS nữ	177	154	153	102	586

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (tháng 9/2022)

BC - HDLD	CBQL	GIÁO VIÊN	NHÂN VIÊN	TỔNG
Số lượng	3	55	9	67
Nữ	3	47	5	55
Đảng viên	3	35	7	45
TĐCM đạt chuẩn	2	46	7	55
TĐCM trên chuẩn	1	6	2	9

3. 0 Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Trường THCS Chu Văn An được thành lập năm 2014; tháng 9 năm 2020 nhà trường đã được Sở GD&ĐT Hà Nội kiểm định chất lượng và đạt kết quả: kiểm định chất lượng mức độ 2 và công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Khuôn viên nhà trường được xây dựng với tổng diện tích 13.320 m², có tường rào bao quanh, có cổng trường, biển trường rõ ràng. Hàng tuần học sinh đều thực hiện việc vệ sinh trường lớp, công trình măng non nên các phòng đều được giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, thường xuyên kiểm tra sửa chữa kịp thời nên đảm bảo an toàn cho thầy và trò khi đến trường làm việc, học tập, đảm bảo khung cảnh mỹ quan sư phạm sáng - xanh - sạch - đẹp.

Tất cả các dãy nhà phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc của giáo viên và học sinh đều được xây dựng kiên cố, có cửa ra vào, cửa sổ, có đường điện đảm bảo đủ ánh sáng, quạt mát, lớp học thoáng mát vào mùa hè và ấm áp vào mùa đông, có đầy đủ bàn ghế, đồ dùng dạy học phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập của thầy và trò.

Nhà trường có phòng đồ dùng riêng biệt, có đủ đồ dùng dạy học tối thiểu, đồ dùng dạy học được quản lý trên hệ thống sổ sách, định kỳ hàng năm có kiểm tra rà soát bổ sung kịp thời.

Các công trình trong nhà trường bao gồm:

- **Khu phòng học:** 32 phòng
- **Khu phòng bộ môn, phòng chức năng:** 16 phòng
- **Khu hiệu bộ:** 11 phòng
- **Khu bán trú:** 10 phòng

4. Thuận lợi, khó khăn trong việc xây dựng trường chất lượng cao

4.1. Thuận lợi

- Nhà trường đã nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Huyện ủy, UBND huyện Thanh Trì, Phòng GD&ĐT huyện Thanh Trì;

- Được sự quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện của Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tứ Hiệp. Sự phối hợp chặt chẽ của các ban ngành đoàn thể trong và ngoài nhà trường. Sự đồng thuận của CB, GV, NV, HS và CMHS trong triển khai nhiệm vụ năm học.

- Tập thể nhà trường luôn đoàn kết. Cán bộ quản lý nhiệt tình, trách nhiệm cao trong công việc.

- Đội ngũ CB, GV, NV nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn. Giáo viên về cơ bản độ tuổi còn trẻ, nhiệt tình, tâm huyết trong giảng dạy.

- Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ với phương châm “**Kỷ cương trong quản lý, thực chất trong đánh giá**” các đoàn thể trong nhà trường hoạt động đều tay và phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong mọi công tác, chỉ đạo

các phong trào thi đua đạt hiệu quả tốt.

- Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang sạch sẽ đảm bảo trường sáng - xanh - sạch - đẹp.

4.2. Khó khăn

- Học sinh của trường là học sinh từ nhiều xã trong huyện nên nhà xa trường, việc đi lại gặp nhiều khó khăn, phải phụ thuộc vào PHHS nên việc điều động học sinh rất khó.

- Học sinh học lệch nhiều nên rất vất vả trong việc dạy đại trà cho học sinh.
- Mức thu nhập của CMHS trên địa bàn chưa cao, việc xã hội hóa và thực hiện các dịch vụ chất lượng cao sẽ khó khăn.

- Trình độ của CBGV, NV chưa đáp ứng được 90% trình độ thạc sĩ. Việc CBGV thành thạo 01 Ngoại ngữ chưa đảm bảo.

II. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG TRƯỜNG CHẤT LƯỢNG CAO

1. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

T T	Chức danh	TS	Nữ	Trình độ CM					Trình độ Tin học		Trình độ Ngoại ngữ	
				ThS	ĐH	CĐ	TC	SC	ĐH	CC	ĐH	CC
1	CBQL	3	3	1	2	0	0	0	2	1	0	3
2	Giáo viên	55	47	6	46	3	0	0	4	51	6	49
3	Nhân viên	9	5	0	2	1	2	4	0	9	0	9
	Tổng	67	55	7	50	4	2	4	6	61	6	61

CB, GV biên chế: 44 người

GV hợp đồng: 14 người

Nhân viên biên chế: 01 người

Nhân viên hợp đồng: 08 người

2. Số lớp và số học sinh

- Tổng số học sinh: 1146 em, nữ: 586 em.
- Bình quân học sinh trên lớp: 38 em/lớp.
- Số học sinh năm học 2022-2023:

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	TB HS/lớp	Số lớp học CT tiếng Anh CLC
6	8	317	177	40	2
7	8	290	154	36	0
8	8	301	153	38	0
9	6	238	102	40	0
Tổng	28	1146	586	38	2

3. Thực hiện chương trình và kết quả giáo dục:

3.1. Thực hiện chương trình

- Ngoài việc dạy học theo đúng chương trình của Bộ GD&ĐT quy định, trường xây dựng bổ sung chương trình dạy học tăng cường và nâng cao các môn: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Lý, Hóa phù hợp để học sinh lựa chọn nhằm phát triển năng lực tốt nhất cho học sinh. Hàng năm rút kinh nghiệm, bổ sung, hoàn chỉnh từ thực tế giảng dạy nhằm đảm bảo phù hợp với trình độ của học sinh và xã hội.

- Chú trọng giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho học sinh, tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Tổ chức cho học sinh tham gia một số kì thi Quốc tế để học sinh có cơ hội hội nhập tại các sân chơi Quốc tế. Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, nghệ thuật, kỹ năng sống như tổ chức các cuộc thi, giao lưu trong và ngoài nhà trường phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của học sinh, đáp ứng nhu cầu giáo dục toàn diện.

- Tổ chức cho học sinh được tiếp cận với thực tế, được trải nghiệm, sáng tạo (đa dạng hóa các loại hình dạy học: dạy học ngoài lớp học, dạy học tích hợp, liên môn,...), học tập theo chuyên đề, được làm việc trong phòng thí nghiệm thực hành các bộ môn: Hóa học, Sinh vật, Vật lý, Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học. Tăng cường tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, thực tế cho học sinh.

3.2. Kết quả giáo dục:

* Chất lượng học sinh

Năm học	Số lớp	Số HS	Xếp loại học lực/học tập (%)					Xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện (%)			
			Giỏi (Tốt)	Khá	TB	Yếu	Kém	Tốt	Khá	TB	Yếu
2017-2018	16	583	98,1	1,9	0	0	0	100	0	0	0
2018-2019	19	684	97,2	2,8	0	0	0	100	0	0	0
2019-2020	21	778	93,4	2,6	0	0	0	100	0	0	0
2020-2021	25	935	97,2	2,7	0,1	0	0	100	0	0	0
2021-2022	28	1053	98,7	1,3	0	0	0	100	0	0	0

* Kết quả học sinh giỏi cấp thành phố các môn văn hóa

Năm học	Tổng số giải	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải KK
2017-2018	23	0	0	5	18
2018-2019	32	0	6	13	13
2019-2020	33	2	8	10	13

2020-2021	17	0	0	5	12
2021-2022	31	1	3	9	8
Tổng	124	2	25	38	59

* Kết quả học sinh đạt giải các cấp khác:

Năm học	Tổng số giải		Cấp Quốc gia				Cấp Quốc tế			
	QG	QT	HCV	HCB	HCD	KK	HCV	HCB	HCD	KK
2017-2018	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2018-2019	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0
2019-2020	55	6	1	6	13	35	0	4	2	0
2020-2021	588	186	21	115	260	192	4	15	38	129
2021-2022	336	4	14	78	65	179	0	0	2	2
Tổng	650	196	22	125	275	228	5	21	41	129

4. Cơ sở vật chất

- Diện tích khuôn viên trường: 13.320 m², trường được xây dựng ở vị trí trung tâm xã Tứ Hiệp, đảm bảo vệ sinh, thuận lợi cho học sinh đi học.

- Tổng số phòng học: 30 phòng. (Trong đó có 300 bộ bàn ghế chưa đúng qui cách theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, THCS, THPT)

- Phòng bộ môn nhạc: 01 phòng
- Phòng bộ môn Mỹ thuật: 01 phòng
- Phòng thực hành (Lý, Hoá, Sinh, CN): 04 phòng.
- Phòng Thư viện: 02 phòng.
- Phòng Tin học: 02 phòng với 80 máy. Trong đó, có 80 máy được kết nối Internet và sử dụng tốt.
- Phòng Truyền thông: 01 phòng
- Phòng học Tiếng Anh: 01 phòng, kết nối Internet máy tính, có thiết bị trình chiếu.
- Phòng học thông minh: 01 phòng
- Phòng đa năng: 01 phòng
- Phòng Y tế, Đội: 02 phòng.
- Phòng hiệu bộ và phòng chức năng: 06 phòng.
- Phòng thể chất: 01 phòng
- Bể bơi: 01 phòng.
- Bếp ăn: 01 phòng.
- Phòng ngủ bán trú: 10 phòng.

5. Tự đánh giá (Theo các tiêu chí trường chất lượng cao Quy định tại Quyết định số 20/2013/QĐ - UBND ngày 24/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Tiêu chí	Đánh giá
1	Tiêu chí cơ sở vật chất	Đạt
1.1	Nhà trường có sân chơi, khung cảnh, khuôn viên, cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện với học sinh.	Đạt * Nhà trường có môi trường sư phạm sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn, thân thiện, phù hợp với học sinh THCS. Có khu vui chơi, vườn sách ...cho học sinh hoạt động. * Tồn: Khu vực sân hoạt động chung diện tích còn hơi nhỏ, chưa đáp ứng được nhu cầu tổ chức các hoạt động lớn.
1.2	Các phòng học đảm bảo các điều kiện nhiệt độ, ánh sáng phù hợp, đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục của nhà trường.	Đạt * Phòng học tại các lớp hiện đã được cải tạo: Sơn lại tường nhà, thay toàn bộ hệ thống đèn tuýp sang đèn led...đảm bảo thoáng mát vào mùa hè, ấm áp vào mùa đông.
1.3.	Có đủ các phòng chức năng, phòng bộ môn phục vụ chương trình chất lượng cao. Có khu giáo dục, nhà thể chất và các dụng cụ tập luyện đảm bảo các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh.	Đạt * Trang thiết bị có đủ theo danh mục tối thiểu. * Tồn: Một số trang thiết bị phục vụ cho bộ môn GDTC đã cũ cần được thay thế.

1.4.	Thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện tiên tiến trở lên, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.	Đạt Phòng thư viện đạt tiên tiến cấp Thành phố.
1.5.	Trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại đáp ứng các hoạt động dạy và học; các trang thiết bị văn phòng phục vụ tốt công tác quản lý, dạy và học.	Đạt * Trang thiết bị có đủ theo danh mục tối thiểu. * Tồn tại: Trang thiết bị đồ dùng khối 6,7 thực hiện theo chương trình GDPT 2018 còn thiếu. Hệ thống máy chiếu đã bị mờ, sử dụng không hiệu quả. Các trang thiết bị hiện đại như ti vi, bảng trượt lắp các phòng học và phòng chức năng chưa có.
1.6.	Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học; có Website thông tin trên mạng internet hoạt động thường xuyên, hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy học và quản lý nhà trường.	Đạt Nhà trường có hệ thống mạng Internet bao phủ toàn trường. Website hoạt động thường xuyên và có hiệu quả. * Tồn: Đôi khi xảy ra tình trạng mất mạng, hệ thống mạng chưa đủ mạnh để phục vụ công tác dạy, học.
2	Tiêu chí đội ngũ cán bộ, giáo viên	Chưa đạt
2.1	Tăng cường đội ngũ giáo viên để đảm bảo việc giảng dạy chương trình dạy học tiếp cận với năng lực học sinh.	Đạt
2.2	Trên 90% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn và đúng chuyên ngành đào tạo; 100% giáo viên có kinh nghiệm ứng dụng công nghệ thông tin, 50% giáo viên có trình độ tin học B, số còn lại có trình độ tin học A, có khả năng giao tiếp 1	Chưa đạt Có 6/55 GV có trình độ Thạc sỹ = 11%, Chứng chỉ tiếng Anh là 49/55 = 89%, tiếng anh ĐH là 6/55 = 11%,

	ngoại ngữ; 100% giáo viên xếp loại khá trở lên về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học; trong đó 80% xếp loại xuất sắc; 100% giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường; 40% giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố.	100% GV có khả năng ứng dụng CNTT, 100% GV được đánh giá xếp loại Khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp, 30% xếp loại Xuất sắc. * Tồn: Tỷ lệ GV trên chuẩn còn thấp (11%); xếp loại xuất sắc theo chuẩn đạt thấp hơn so với quy định (mới đạt 30%), 20% GV chưa linh hoạt, sáng tạo còn thụ động trong công việc, chưa mạnh dạn đổi mới.
2.3	Đủ số lượng nhân viên, kế toán, thủ quỹ, thư viện, văn thư, y tế có trình độ trung cấp trở lên; viên chức làm công tác thiết bị dạy học có trình độ cao đẳng trở lên (đối với trung học cơ sở), đại học (đối với trung học phổ thông) theo đúng chuyên môn; các nhân viên khác được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc đảm bảo quy định.	Đạt Trường có đủ số lượng nhân viên đảm bảo trình độ theo quy định. * Tồn: 4/5 nhân viên là hợp đồng lao động.
2.4	Đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hàng năm theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung học đạt loại xuất sắc; 80% cán bộ quản lý có bằng Thạc sỹ trở lên đối với trung học phổ thông và 100% trên chuẩn đối với trung học cơ sở.	Chưa đạt * Đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt xuất sắc. * Tồn: 1/3 đ/c đạt trình độ trên chuẩn = 33%
2,5	Có đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước tham gia giảng dạy và hỗ trợ chuyên môn các nội dung về chương trình nâng cao cần thiết; có giáo viên dạy được song ngữ một số môn khoa học cơ bản; cán bộ quản lý, giáo viên hàng năm được tham gia các chương trình đào tạo bồi dưỡng, tham quan học tập trong hoặc ngoài nước.	Chưa đạt Trường chưa có đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước tham gia giảng dạy và hỗ trợ chuyên môn các nội dung về chương trình nâng cao cần thiết; chưa có giáo viên dạy song ngữ và tham gia

		các buổi tập huấn ngoài nước.
3	Tiêu chí chương trình giảng dạy	Đạt
3.1	Có bổ sung chương trình dạy học tiếp cận năng lực và phù hợp với khả năng phát triển của học sinh các bộ môn Toán, Văn, Ngoại ngữ, Lý, Hóa để học sinh lựa chọn.	Đạt
3.2	Bổ sung chương trình dạy tiếng Anh nghe, nói với người nước ngoài.	Đạt Trường đã liên kết với trung tâm Atlantic dạy 80 HS khối 6 chương trình tiếng Anh chất lượng cao với 100% GV là người nước ngoài.
3.3	Có tổ chức lớp song ngữ một số môn khoa học cơ bản.	Chưa đạt Trường chưa có lớp học song ngữ
3.4	Trong năm học có thực hiện chương trình giao lưu học sinh với các trường trong và ngoài nước.	Chưa đạt Nhà trường chưa có chương trình giao lưu học sinh với các trường trong và ngoài nước
3.5	Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, nghệ thuật, kỹ năng sống phù hợp với nguyện vọng của học sinh, đáp ứng nhu cầu giáo dục toàn diện.	Đạt
3.6	Học sinh được tiếp cận với thực tế và học tập theo chuyên đề, được làm việc trong phòng thí nghiệm thực hành.	Đạt
4	Tiêu chí phương pháp giảng dạy	Đạt
4.1	Tiếp cận phương pháp dạy học tích cực phù hợp với đặc thù bộ môn, gắn kiến thức phổ thông với thực tiễn, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong dạy học	Đạt
4.2	Sử dụng các phương pháp dạy học mở để học sinh có khả năng trải nghiệm, khám phá và làm quen với công tác nghiên cứu khoa học.	Đạt
4.3	100% tiết dạy đổi mới phương pháp dạy học	Đạt

	theo hướng dẫn của Bộ và Sở Giáo dục, đảm bảo các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ.	
4.4	Có phương pháp đặc thù khuyến khích sự chuyên cần, rèn khả năng tự học của học sinh.	Đạt
4.5	Đổi mới cách kiểm tra đánh giá học sinh theo hướng coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của các em trong quá trình dạy học.	Đạt
4.6	Giáo viên chủ động thiết kế bài giảng linh hoạt, khoa học, sắp xếp hợp lý các hoạt động của giáo viên và học sinh; phối hợp tốt giữa làm việc cá nhân và theo nhóm.	Đạt
4.7	Giáo viên tạo điều kiện, hướng dẫn học sinh rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ.	Đạt
5	Tiêu chí các dịch vụ chất lượng cao trong giáo dục	Đạt
5.1	Có tổ chức đưa đón học sinh.	Đạt PHHS tự đưa đón học sinh
5.2	Có bán trú cho học sinh với các điều kiện sinh hoạt hiện đại, khoa học.	Đạt Trường có 10 phòng bán trú với trang thiết bị đầy đủ, hiện đại, khoa học và đang xây thêm 3 phòng bán trú để đáp ứng nhu cầu ở của HS.
5.3	Học sinh được tiếp cận với thực tế và học tập theo chuyên đề, làm quen với phòng thí nghiệm thực hành	Đạt
5.4	Cam kết chất lượng giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.	Đạt

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND-UBND huyện, của các phòng, ban chức năng của huyện, Đảng ủy, HĐND, UBND xã, đặc biệt là sự chỉ đạo sát sao của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Trì. Tập thể HĐSP luôn đoàn kết, nhất trí, phối hợp công việc nhịp nhàng. BGH chỉ đạo sát sao, phân công đúng người, đúng việc; Đội ngũ giáo viên tâm huyết với nghề, vững vàng về chuyên môn, có nếp làm việc tự giác, đoàn kết, tích cực đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học.

- Nhà trường đã phát huy những thế mạnh, khắc phục những khó khăn, triển khai các hoạt động giáo dục theo kế hoạch, hoàn thành các chỉ tiêu của năm học.

- Tỷ lệ học sinh giỏi, HSNK đảm bảo duy trì cả số lượng và chất lượng.

- Chất lượng thi vào lớp 10 THPT của các môn Văn, Toán, Tiếng Anh, được giữ vững, điểm xét tuyển 3 môn đứng thứ Ba Thành phố.

- Khung cảnh sư phạm nhà trường sáng - xanh - sạch - đẹp đảm bảo mỹ quan.

- Tích cực tham gia các hội thi do các cấp phát động, đạt được kết quả tốt.

Trên đây là báo cáo rà soát việc xây dựng trường chất lượng cao giai đoạn 2021- 2026 của trường THCS Chu Văn An báo cáo UBND Huyện, PGD&ĐT Huyện Thanh Trì. Kính mong các đồng chí lãnh đạo quan tâm, xem xét./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT huyện Thanh Trì;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Thịnh